

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	606.530.579.098	664.515.713.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		606.530.579.098	664.515.713.851
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	549.040.953.078	602.886.462.978
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		57.489.626.020	61.629.250.873
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	276.340.664	81.492.012
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.147.524.826	2.197.413.083
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.139.780.098	2.183.629.070
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8a	34.051.278.374	36.759.450.105
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8b	9.364.404.714	9.619.261.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.202.758.770	13.134.618.678
11. Thu nhập khác	31	VI.6	278	53.661.508
12. Chi phí khác	32	VI.7	10.268.379	227.223.078
13. Lợi nhuận khác	40		(10.268.101)	(173.561.570)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.192.490.669	12.961.057.108
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.640.551.810	2.636.065.805
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.551.938.859	10.324.991.303

TP.HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Bùi Thị Lệ Huyền

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lê Thị Kim Dung

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hà Quốc Cường